

Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo thông tư số 61/2017/TT-BTC
(Ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

UBND PHƯỜNG THỚI HOÀ
TRƯỜNG TH TRẦN VĂN ON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 109/QĐ-TH

Thới Hoà, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán năm 2025
của Trường TH Trần Văn On

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ON

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 223 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Thới Hoà về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ ngân sách phường Thới Hoà năm 2025.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của Nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán năm 2025 của trường tiểu học Trần Văn On (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế hoạch tài vụ và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TC- VT.



ĐƠN VỊ : TH TRẦN VĂN ƠN

CHƯƠNG : 622 , LOẠI:490

CÔNG KHAI

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(kèm theo quyết định số 192/2024 ngày 19/08/2024 của Trường TH Trần Văn ƠN)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng kinh phí năm 2025	14.337.163.618
	Kinh phí cấp 2025	14.337.163.618
	Kinh phí thường xuyên	11.128.198.399
	Kinh phí không thường xuyên	3.208.965.219
	10% tiết kiệm CCTL	256.110.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà Nước	14.337.163.618
3	Chi cho sự nghiệp giáo dục , đào tạo	11.128.198.399
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên năm 2025	11.128.198.399
6000	Tiền lương	4.765.176.000
1	<i>Lương ngạch bậc</i>	4.765.176.000
6050	Tiền công trả cho lao động hợp đồng	781.999.040
1	<i>Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng</i>	781.999.040
6100	Phụ cấp	2.087.859.051
1	<i>Phụ cấp chức vụ</i>	110.916.000
12	<i>Ưu đãi</i>	1.480.123.609
13	<i>Trách nhiệm</i>	2.808.000
15	<i>Thâm niên, vượt khung</i>	494.011.442
6300	Các khoản đóng góp	1.261.974.308
1	<i>BHXH 17,5%</i>	939.768.102
2	<i>BHYT 3%</i>	161.103.103
3	<i>KPCD2%</i>	107.402.069
4	<i>BHTN 1%</i>	53.701.034
6400	Thanh toán cá nhân	70.000.000
4	<i>Tăng thu nhập</i>	-
49	<i>Trợ cấp khác</i>	70.000.000
6500	Dịch vụ công cộng	516.000.000
1	<i>Điện</i>	480.000.000
2	<i>Nước</i>	
4	<i>VSMT</i>	36.000.000
6550	Vật tư văn phòng	276.000.000
51	<i>VPP</i>	36.000.000
52	<i>Công cụ , dụng cụ , văn phòng</i>	
99	<i>Vật tư khác</i>	240.000.000
6600	Thông tin liên lạc	30.200.000
1	<i>Điện thoại</i>	1.800.000
5	<i>Cước Internet</i>	20.400.000
8	<i>Sách báo, tạp chí</i>	3.200.000
18	<i>Khoản điện thoại</i>	4.800.000



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6700	Công tác phí	63.000.000
1	Tiền tàu xe	18.000.000
2	Phụ cấp CTP	24.000.000
3	Thuê phòng ngủ	3.000.000
4	Khoản công tác phí	18.000.000
6750	Chi phí thuê mướn	368.000.000
51	Vận chuyển	40.000.000
58	Thuê đào tạo lại cán bộ	5.000.000
99	Thuê mướn khác	323.000.000
6900	Sửa chữa thường xuyên	225.000.000
7	Sửa chữa nhà, cửa	40.000.000
12	Thiết bị tin học	25.000.000
13	Sửa chữa tài sản thiết bị văn phòng	40.000.000
21	Đường điện, cấp thoát nước	70.000.000
49	Máy móc, thiết bị khác	50.000.000
7000	Chi phí NVCM	567.380.000
1	Vật tư chuyên môn	50.000.000
4	Đồng phục, trang phục	3.780.000
12	Chi phí hoạt động chuyên ngành	30.000.000
49	Chi khác	483.600.000
7050	Mua tài sản vô hình	30.000.000
53	Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	30.000.000
7750	Chi khác	85.610.000
56	Chi phí, lệ phí	8.000.000
57	Bảo hiểm cháy nổ	40.000.000
61	Chi tiếp khách	5.000.000
64	Chi lập quỹ khen thưởng	
99	Chi khác	32.610.000
	Tổng cộng:	11.128.198.399
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.208.965.219
6050		239.048.000
1	Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng	239.048.000
6150	Hỗ trợ cho học sinh nghèo	20.250.000
57	Hỗ trợ cho học sinh nghèo	20.250.000
6300	Các khoản đóng góp	56.176.280
1	BHXXH 17,5%	41.833.400
2	BHYT 3%	7.171.440
3	KPCĐ 2%	4.780.960
4	BHTN 1%	2.390.480
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân	2.489.374.520
49	Phụ cấp thêm giờ	645.865.033
49	Chi hỗ trợ giáo viên cốt cán	10.500.780
49	Hỗ trợ bảo vệ: 3 người x 12th x 600.000	21.600.000
49	Hỗ trợ phục vụ: 2 người x 12th x 500.000	12.000.000
49	Hỗ trợ giáo viên không trực tiếp đứng lớp	123.158.880
49	Hỗ trợ giáo viên dạy vượt 20% số học sinh/lớp	1.273.753.827
49	Hỗ trợ 12,5% kế toán văn thư	28.080.000
49	Hỗ trợ ngày 20/11	14.200.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
49	Hỗ trợ khác địa bàn	3.600.000
49	Hỗ trợ nhà trọ	314.496.000
49	Trợ cấp sau đại học - thạc sĩ 1 người	42.120.000
6750	Chi phí thuê mướn	3.000.000
57	Thuê lao động trong nước	
58	Đào tạo	3.000.000
6200	Khen thưởng	-
01	Khen thưởng	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	75.600.000
4	Đồng phục, trang phục	1.800.000
79	Chi khác	73.800.000
7750	Chi khác	142.000.000
53	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh	
99	Chi tiền tết	142.000.000
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	183.516.419
06	Chi tinh giản biên chế	183.516.419
	Tổng cộng :	14.337.163.618

Người lập

Nguyễn Thị Thu Thủy

Bến Cát, ngày 19 tháng 8 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hà Thị Diễm Phúc

